TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm
2. Bà Trần Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thu T, sinh năm 1992; Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường PH, thành phố P.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; Vắng mặt.

HKTT: Khu phố 7, phường KD, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường TT, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường KD, thành phố P, Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 10/10/2018. Quá trình chung sống, bà và ông H không hạnh phúc, xảy ra nhiều

mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông H cờ bạc nợ nần không chăm lo cho gia đình. Bà đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn tiếp tục rạn nứt. Từ đầu năm 2021 đến nay, bà và ông H đã không còn chung sống với nhau, cũng không liên lạc, quan tâm tới nhau. Bà xác định tình cảm không còn, không thể quay trở về đoàn tụ với ông H nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Nếu ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là Nguyễn Đỗ Bảo V, sinh ngày 12/11/2020, hiện cháu V đang sống cùng bà. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng nhưng tại phiên tòa, bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà đang làm văn thư, lương ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng đủ lo cho hai mẹ con. Bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Đỗ Thu T ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao Nguyễn Đỗ Bảo V, sinh ngày 12/11/2020 cho bà T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thu T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ông H cư trú tại thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H. Ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu

của nguyên đơn, cũng không phản đối chứng cứ do bà T cung cấp (khoản 2 điều 92 của BLTTDS) và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thu T và ông Nguyễn Văn H là hoàn toàn tự nguyện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, bà T cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông H cờ bạc nợ nần không chăm lo cho gia đình. Từ đầu năm 2021 đến nay, bà và ông H đã không còn chung sống, cũng không liên lạc, quan tâm tới nhau. Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã được Chính quyền địa phương xác nhận theo Đơn xin xác nhận do nguyên đơn cung cấp.

[2.3] Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....". Tuy nhiên, quá trình chung sống, bà T, ông H lại nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn chung sống cũng không quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T, ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà T ly hôn với ông H.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Bà T và ông H có một con chung là Nguyễn Đỗ Bảo V, sinh ngày 12/11/2020, hiện cháu V đang sống cùng bà T. Nếu ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[3.2] Xét thấy: Bà T có thu nhập, chỗ ở ổn định, cháu V còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Nguyễn Đỗ Bảo V, sinh ngày 12/11/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2] Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thu T đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.
2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Đỗ Bảo V, sinh ngày 12/11/2020 cho bà Đỗ Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0003574 ngày 19-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Đỗ Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23-3-2022); vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang- Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang- Tháp Chàm;
- UBND phường KD;
(GCN số 44, ngày 10/10/2018)
- Lưu (HS, AV)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Trần Thanh Thư